

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư - MH1104030

Mã lớp học phần: 25211MH110403001 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chi	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC		8,0	Tam, kg	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC		8,0	Tam, kg	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC		7,5	Bảy, nam	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC		7,0	Bảy, kg	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC		9,5	Chín, nam	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC		7,0	Bảy, kg	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC		6,5	Sáu, nam	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006	C26TC		8,0	Tam, kg	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC		7,5	Bảy, nam	
10	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC		8,0	Tam, kg	
11	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC		8,0	Tam, kg	
12	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC		7,0	Bảy, kg	
13	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC		7,0	Bảy, kg	
14	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC		8,0	Tam, kg	
15	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC		9,5	Chín, nam	
16	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC		6,5	Sáu, nam	
17	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC		7,0	Bảy, kg	
18	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC		7,0	Bảy, kg	
19	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC		8,0	Tam, kg	
20	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trinh	06/10/2006	C26TC		7,5	Bảy, nam	
21	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trinh	15/11/2006	C26TC		7,0	Bảy, kg	
22	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC		6,5	Sáu, nam	
23	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC		7,0	Bảy, kg	
24	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC		8,0	Tam, kg	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 0 . Số bài thi: 24 / _____.

Ngày...6...tháng...1...năm...2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần

Trần Thị Hoa

Ngày...14...tháng...4...năm...2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Duyệt

Nguyễn Văn Duyệt

TRƯỚC
PHÒNG
VÀ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư - MH1104030

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110403001 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chi	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC	ICb	7,5	Bảy, năm	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC	P	8,0	Tám, kỳ	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC	Huol	8,0	Tám, kỳ	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC	Han	7,0	Bảy, kỳ	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC	Hoo	9,5	Chín, năm	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC	Kha	7,0	Bảy, kỳ	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC	Linh	7,0	Bảy, kỳ	
8	2410120008	Phan Anh	Linh	19/12/2006	C26TC	anh	8,0	Tám, kỳ	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC	Thy	8,0	Tám, kỳ	
10	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC	Nhi	7,5	Bảy, năm	
11	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC	Nhi	8,0	Tám, kỳ	
12	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC	Phat	7,0	Bảy, kỳ	
13	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC	Quyên	7,0	Bảy, kỳ	
14	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC	Thuan	8,0	Tám, kỳ	
15	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC	Thuy	8,0	Tám, kỳ	
16	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC	Thu	7,0	Bảy, kỳ	
17	2410120003	Phùng Thị Thùy	Tiên	23/07/2005	C26TC	Thuyt	7,0	Bảy, kỳ	
18	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC	Tien	7,0	Bảy, kỳ	
19	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC	Tram	7,0	Bảy, kỳ	
20	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trình	06/10/2006	C26TC	Trinh	7,0	Bảy, kỳ	
21	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trình	15/11/2006	C26TC	Thy	7,5	Bảy, năm	
22	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC	Thy	7,0	Bảy, kỳ	
23	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC	Vy	7,0	Bảy, kỳ	
24	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC	Y	7,0	Bảy, kỳ	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 0 . Số bài thi: 24 / _____.

Ngày...5...tháng...2...năm...2026...

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

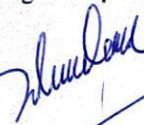


Trần Thị Hoa

Ngày...01...tháng...1...năm...2026...

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đình Dý

TRƯỜNG
PHÒNG
VĂN

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư - MH1104030

Mã lớp học phần: 25211MH110403001 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003	C24TC1	Nam	80	Tấn, ký	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ Số bài thi: _____ / _____.

Ngày: 5 tháng 2 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày: 04 tháng 2 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đình Dũng

**BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN**

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư - MH1104030

Mã lớp học phần: 25211MH110403001 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Nam	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210120015	Trần Tấn	Nam	14/04/2003	C24TC1	<i>Nam</i>	<i>7.5</i>	<i>Đạt, rần</i>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / _____.Ngày: 15 tháng 1 năm 2026Ngày 14 tháng 1 năm 2026**TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN****GIẢNG VIÊN CHẤM THI**

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

*Nam**Tấn Phi Hòa**Khánh**Nguyễn Tiến Dũng*



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư - MH1104030

Giám thị 1: Châu Lê Sơn

Ký tên: Ch

Mã lớp học phần: 25211MH110403001 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Vũ Văn Hào

Ký tên: Vũ Văn Hào

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 30/03/2026

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chi	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	<u>Kim</u>	1	7,5	Bảy, năm	C26TC	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	<u>Ph</u>	1	8,0	Tám, không	C26TC	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	<u>Hanh</u>	1	6,0	Sáu, không	C26TC	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	<u>Han</u>	1	5,0	Năm, không	C26TC	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	<u>Ho</u>	1	9,0	Chín, không	C26TC	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	<u>Kha</u>	1	6,0	Sáu, không	C26TC	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	<u>Linh</u>	1	7,0	Bảy, không	C26TC	
8	2410120008	Phan Anh	Linh	19/12/2006	<u>Anh</u>	1	7,0	Bảy, không	C26TC	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	<u>Truc</u>	1	7,0	Bảy, không	C26TC	
10	2210120015	Trần Tấn	Nam	14/04/2003	<u>Nam</u>	1	3,5	Ba, năm	C24TC1	
11	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	<u>Nhi</u>	1	6,0	Sáu, không	C26TC	
12	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	<u>Nhi</u>	1	6,0	Sáu, không	C26TC	
13	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	<u>Phat</u>	1	3,0	Ba, không	C26TC	
14	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	<u>Quy</u>	1	7,0	Bảy, không	C26TC	
15	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	<u>Thuan</u>	1	6,0	Sáu, không	C26TC	
16	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	<u>Thuy</u>	1	7,0	Bảy, không	C26TC	
17	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	<u>Thu</u>	1	4,0	Bốn, không	C26TC	
18	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	<u>Thi</u>	1	6,0	Sáu, không	C26TC	
19	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	<u>Tien</u>	1	7,0	Bảy, không	C26TC	
20	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	<u>Tram</u>	1	7,0	Bảy, không	C26TC	
21	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trinh	06/10/2006	<u>Trinh</u>	1	7,5	Bảy, năm	C26TC	
22	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trinh	15/11/2006	<u>Thuy</u>	1	6,0	Sáu, không	C26TC	
23	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	<u>Thuc</u>	1	5,0	Năm, không	C26TC	
24	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	<u>Vy</u>	1	5,0	Năm, không	C26TC	
25	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	<u>Y</u>	1	6,0	Sáu, không	C26TC	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 25 / 25 .

Số sinh viên đạt: _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 7 tháng 4 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 6 tháng 4 năm 2026.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)